

Bản án số: **489/2020/HS-PT**

Ngày: 17/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Thảo

Ông Đỗ Minh Nhứt

- Thư ký Phiên tòa: Ông Lê Văn Đại – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia Phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 365/2020/TLPT-HS ngày 13/10/2020 đối với bị cáo Đoàn Anh T do có kháng cáo của bị cáo Đoàn Anh T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 481/2020/HS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đoàn Anh T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1999 tại Bình Dương; Nơi cư trú: Ấp 2, xã M, huyện U, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Nội trợ; Chức vụ (Đảng phái, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: Lớp 08/12; Con ông Đoàn Văn T1, sinh năm 1966 (còn sống) và bà Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh năm 1967 (còn sống); Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình có 04 chị em; Bị cáo có chồng là anh Lâm Trần Sông G, sinh năm 1990 có một con chung sinh năm 2017, hiện đã ly hôn; Đến tháng 5/2019 sống chung như vợ chồng với Đặng Huy C và có 01 con mới sinh tháng 6/2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại. (Có mặt).

Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo: Ông Lý Ngọc T3, Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Huy C quen biết và sống chung như vợ chồng với Đoàn Anh T. Do cần tiền tiêu xài nên ngày 22/11/2019, T sử dụng mạng xã hội đăng tin cần người giúp đỡ, sau đó anh Lê Đình L, sinh năm 1988 nhắn tin làm quen, sự việc này bị C phát hiện nên ghen tuông.

Khoảng 06 giờ 00 phút, ngày 23/11/2019, C điện thoại cho anh họ là Đoàn Quốc P gọi P đến phòng kể lại sự việc cho P nghe, P bàn với C dùng tài khoản Zalo của T nhắn tin dụ anh L đến phòng trọ của C và T, Sau đó T sẽ đi ra đưa anh L vào phòng và chốt cửa lại còn P và C sẽ trốn trong nhà vệ sinh chờ khi nào T chốt cửa lại thì đi ra đánh ghen đe dọa anh L để lấy tiền.

Khoảng 08 giờ, ngày 23/11/2019, anh L điều khiển xe mô tô đến phòng trọ của T tại khu phố 1, phường H, thành phố H1, tỉnh Đồng Nai T ra ngoài dẫn anh L vào phòng và chốt cửa phòng lại, C và P từ trong nhà vệ sinh đi ra chửi bới và C dùng tay đánh vào người anh L vì dám quan hệ bất chính với T còn P sử dụng điện thoại để quay lại cảnh C chửi bới L, sau đó C yêu cầu anh L phải đưa 3.000.000 (ba triệu đồng) vì dám quan hệ bất chính với T làm C tức giận đã đập vỡ điện thoại của T, do sợ hãi nên anh L đã đồng ý. Vì không có tiền nên C đã buộc anh L mang xe mô tô biển kiểm soát 60F1-142.xx của anh L đi cầm lấy tiền đưa cho C. Số tiền có được C đưa cho P 800.000 (tám trăm nghìn đồng), còn lại 2.200.000 (hai triệu hai trăm đồng) C đưa cho T, rồi cả bọn tiêu xài hết.

Sau khi lấy được 3.000.000 (ba triệu đồng) của anh L, đến khoảng 13 giờ 00 cùng ngày, khi anh L điện thoại cho P thì P tiếp tục đe dọa anh L sẽ đưa video quay cảnh C đánh ghen L lên mạng xã hội và yêu cầu L phải đưa thêm 5.000.000 (năm triệu đồng), mới xóa video. Đến khoảng 15 giờ 00 cùng ngày, theo sự chỉ dẫn của P, anh L đi taxi đến khu vực cầu X thuộc phường B, thành phố H1 rồi cùng P đến khu vực nghĩa địa phường H2, thuộc khu phố 2, phường H2, thành phố H1, tỉnh Đồng Nai, P điện thoại cho C đi ra, P nói anh L đưa tiền cho C rồi quay lại xe taxi P đưa điện thoại di động của P cho anh L xóa đoạn video đánh ghen rồi P xuống xe cùng C đi về, số tiền chiếm đoạt được P giữ hết.

Sáng ngày 07/12/2019, C nhắn tin với anh L tiếp tục đe dọa nói chưa xóa video và yêu cầu L đưa thêm 3.000.000 (ba triệu đồng) để xóa video, L đồng ý nhưng yêu cầu phải có P đi cùng và đưa điện thoại cho L xóa video đánh ghen. Đến khoảng 10 giờ 45 phút, C và P đến khu vực trước nhà nghỉ N, thuộc khu phố 4, phường H, thành phố H1 để lấy tiền của L, khi C lấy số tiền 3.000.000 (ba triệu đồng) của L xong và P đưa điện thoại của mình cho anh L xóa video thì bị bắt quả tang.

Quá trình làm việc các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo.

Đối với hành vi phạm tội của Đoàn Quốc P, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã khởi tố bị can, lệnh bắt bị can để tạm giam, tuy

nhiên P đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã ban hành lệnh truy nã đối với Đoàn Quốc P, khi bắt được sẽ tiếp tục xử lý theo quy định.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Vật chứng thu giữ: Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A37FW có số imei 865262038651253 là tài sản của Đặng Huy C, C sử dụng chiếc điện thoại trên để liên lạc với anh Lê Đình L để chiếm đoạt tài sản; Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei có số imei 860986040845843 tạm giữ của Đoàn Quốc P; Số tiền 5.900.000 (năm triệu chín trăm nghìn đồng) là tài sản của Đặng Huy C, C đề nghị dùng số tiền này để bồi Tòng cho anh Lê Đình L; Số tiền 3.000.000 (ba triệu đồng) là tài sản của anh Lê Đình L bị C chiếm đoạt Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu giữ trả lại cho anh L.

Về dân sự: Anh Lê Đình L đã nhận lại số tiền 3.000.000 (ba triệu đồng) và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản bản án số 481/2020/HSST ngày 07/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Anh T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Anh T mức án 01 (Một) năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 10/9/2020 bị cáo Đoàn Anh T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa: Căn cứ hồ sơ vụ án và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ để tuyên phạt bị cáo T mức án 01 năm tù là đúng người, đúng tội, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo T.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T là luật sư T3 tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong vụ án chỉ là đồng phạm giản đơn, bị cáo có vai trò thứ yếu, có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi hai con còn nhỏ. Bị cáo đủ điều kiện để hưởng án treo nên xin HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo làm đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP Biên Hòa, Đồng Nai đã mô tả. Trong vụ án này chỉ là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo chỉ là người giúp sức có vai trò thứ yếu trong vụ án, bị cáo T được

P rủ đã cùng nhau tạo dựng hiện trường đánh ghen để P quay clip, bị cáo T khi được P và C rủ rê thì bị cáo đồng ý cùng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo tham gia lấy tiền của bị hại 01 lần với số tiền là 3.000.000 đồng.

[3] Bản án sơ thẩm xem xét bị cáo Đoàn Anh T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội là phụ nữ có thai; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hiện nay bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã nộp giấy xác nhận của chính quyền địa phương xác nhận hiện bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đang nuôi hai con nhỏ 03 tuổi và 6 tháng, quá trình tại ngoại bị cáo không vi phạm gì, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên cần xem xét cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội tạo điều kiện cho bị cáo, vì vậy cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ nghiêm và có tác dụng giáo dục phòng ngừa.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp một phần với các chứng cứ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo T là không phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì luật sư nêu các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân Dân Tối cao;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Anh T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Đoàn Anh T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Xử phạt bị cáo Đoàn Anh T 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đoàn Anh T cho UBND xã M, huyện U, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp tỉnh, huyện;
- TAND cấp sơ thẩm;
- Sở tư pháp;
- Công an cấp quận, huyện;
- Phòng PV27 – Công an tỉnh;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Thị Thanh Bình